

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-PT
Ngày 12 tháng 01 năm 2021
*"V/v Tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh và bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLPT- DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXX- ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Việt D - Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn C, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2017); có mặt

2. *Đồng bị đơn:*

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Bà Nghiêm Thị Lệ T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Ông Vũ Văn M, sinh năm 1962 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Thu O, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Đều ở thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1965 (em gái bà K có mặt)

- Bà Nghiêm Thị Lệ T, sinh năm 1976 (vợ ông P có mặt)

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1965 (vợ ông M vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Anh: Ông Vũ Văn M, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Ông Vũ Văn T, sinh năm 1978 (chồng bà O); địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1995 (vắng mặt)

- Chị Trần Thị Trà M, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đều ở Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Xuân M - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (văn bản ủy quyền ngày 10/6/2020 vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thu O, ông Nguyễn Đức P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn C và ông Trần Quang Đ trình bày:

Ngày 01/9/2017 Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp thương mại NV (sau đây gọi tắt là Công ty hoặc Công ty NV) được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao cho 6.706,3 m² đất, ngày 03/10/2017 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 31 tại xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc đất là của Công ty lương thực (cũ), thời hạn sử dụng 49 năm tính từ năm 2007 (trước đó Công ty lương thực đã sử dụng 10 năm). Thửa đất có các chiều như sau: Hướng Tây giáp với các hộ dân ở thôn N xã C và đường đi Hà Nội - Lào Cai; hướng Bắc giáp với đất của

hộ bà Chí; hướng Đông giáp với các hộ xóm N; hướng Nam tiếp giáp với đường liên xã. Ranh giới đất từ ngày xưa giữa Công ty Lương thực (cũ) với các hộ có hàng rào và mương thoát nước, nhưng các hộ đã phá bỏ hàng rào và mương để lấn chiếm đất của Công ty. Khi Công ty chuẩn bị xây dựng thì phát hiện một số hộ dân lấn chiếm đất của Công ty cụ thể là hộ bà Nguyễn Thị K lấn chiếm 20m² trên đất làm công trình phụ (bẩn mái tôn) và trồng rau; hộ bà Nghiêm Thị Lệ T lấn chiếm 20m² trên đất làm công trình phụ (bẩn mái tôn) và trồng rau; hộ bà Nguyễn Thị N xây tường lấn dọc theo đường đi khoảng 10m²; hộ ông Đàm Xuân L xây tường lấn dọc theo đường đi khoảng 10m²; hộ bà Nguyễn Thị L phá tường cũ xây tường mới lấn chiếm khoảng 07m²; hộ bà Nguyễn Thị Thu O lấn chiếm 16m² trên đất làm chuồng gà (bẩn mái tôn); hộ ông Vũ Văn M lấn chiếm khoảng 15m² trên đất làm bếp và công trình phụ (bẩn mái tôn).

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 13/11/2018 Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Đàm Xuân L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các hộ trên. Quá trình thu thập tài liệu tại các cơ quan quản lý Nhà nước Công ty được biết, trên giấy chứng nhận QSDĐ không phải đứng tên bà Nguyễn Thị X và bà Nghiêm Thị Lệ T. Theo đó giấy chứng nhận QSDĐ được cấp cho bà Nguyễn Thị K (chị gái bà X) và cấp cho ông Nguyễn Đức P (chồng bà T). Ngày 06/01/2020 Công ty có đơn đề nghị quý Tòa thay đổi tư cách tham gia tố tụng của đương sự là bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Đức P sẽ được xác định là bị đơn (trước đây là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan). Bà Nguyễn Thị X và bà Nghiêm Thị Lệ T sẽ được xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (trước đây là bị đơn trong vụ án).

Năm 2009 ông Dương Văn C mua nhà đất của ông Nguyễn Văn Đ ở thôn Xuôi xã C, sau đó ông C phá nhà của ông Đ xây 01 ngôi nhà mới như hiện nay. Cùng dãy nhà với ông C có hộ bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Đức P, ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị Thu O, phía trước dãy nhà có hệ thống rãnh thoát nước tiếp giáp với đường Quốc lộ 2, phía sau dãy nhà tiếp giáp với đất của Công ty. Khi xây nhà các hộ đều xây lấn ra phần đất mương mốc giới hiện nay chỉ còn trụ cổng của Công ty lương thực (cũ). Giữa vợ chồng ông C và bà O không có sự thỏa thuận nào về việc đổi đất phía sau nhà mà do bà O mượn đất của Công ty để làm chuồng gà, nay yêu cầu bà O phải tháo dỡ để trả lại đất cho Công ty.

Theo sơ đồ đo đạc thì hộ bà K lấn chiếm 64,5m² trên đất có 01 mái lợp tôn và trồng rau, chuối (do bà X làm và trồng rau); hộ ông P lấn chiếm 35,7m² trên đất có bếp lợp tôn, trồng cây cảnh; hộ bà O lấn chiếm 37,5m² trên đất có bếp lợp tôn và chuồng gà; hộ ông M lấn chiếm 16,8m² trên đất có 01 gian bếp lợp tôn.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ khi đào phần đất giáp tường từ nhà bà N ông T đến phần đất chuồng gà của ông C có một rãnh thoát nước, rãnh thoát nước này là của Công ty không phải rãnh của gia đình ông M, bà K, ông P, bà O. Vì

rãnh thoát nước này nằm trong phần đất của Công ty không phải đất của UBND xã C quản lý, xung quanh Công ty đều có rãnh thoát nước và có tường xây bao quanh. Còn phần đất ông C mua của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn T (đã chết) tổng cộng khoảng 04m² (mua ngày 01/5/2011), phần đất này nằm trong diện tích đất của gia đình ông C không liên quan đến đất của Công ty.

Nay Công ty yêu cầu bà K phải trả lại cho Công ty 64,5m² đất, ông P trả lại 35,7m² đất, bà O trả lại 37,5m² đất, ông M trả lại 16,8m² đất tổng cộng 154,5m², yêu cầu các hộ phải tự tháo dỡ tài sản xây dựng trên đất để trả lại mặt bằng cho Công ty.

Tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A vắng mặt nhưng theo các tài liệu lưu trong hồ sơ ông M, bà A trình bày:

Gia đình ông bà có thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5A, diện tích 123m² nguồn gốc là do ông bà mua của UBND xã C từ năm 1987 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông M. Thửa đất có 01 chiều hướng Tây nam giáp với rãnh thoát nước rộng khoảng 03m chung cho 06 gia đình trong đó có gia đình ông C sau đó mới đến đất của Công ty lương thực (cũ) nay là đất của Công ty NV. Năm 1989 ông bà xây 01 ngôi nhà hai tầng, khoảng năm 2013 ông C xây nhà cùng dãy với ông bà (ông C mua nhà đất của ông Đ), khi làm nhà ông C đã làm hết cả rãnh thoát nước chung. Về hàng rào của Công ty lương thực (cũ) có từ trước ông bà không lấn chiếm đất của Công ty NV, năm 2017 Công ty NV được Nhà nước giao đất khi giao đất ông bà không được chứng kiến. Tại biên bản giao đất ngày 01/9/2017 UBND xã C khẳng định khu đất sử dụng ổn định không có tranh chấp gì là dựa trên ý kiến của Công ty NV. Ông bà thừa nhận có sử dụng phần đất phía sau làm công trình phụ là làm trên rãnh thoát nước do UBND xã C quản lý, không phải đất của Công ty NV. Khi xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất của Công ty NV, đào phần đất giáp tường từ nhà bà N ông T đến phần đất chuồng gà của ông C có một rãnh thoát nước. Rãnh thoát nước này là do các hộ tự xây trên đất của UBND xã C không phải xây trên đất của Công ty NV.

Nay Công ty NV yêu cầu ông bà phải trả lại 16,8m² đất lấn chiếm và tháo dỡ tài sản xây dựng trên đất để trả lại mặt bằng cho Công ty, ông bà không đồng ý. Vì phần đất này do UBND xã C quản lý, rãnh thoát nước là rãnh chung của các hộ nên không có quyền đòi lại đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, do công việc bận nên ông M có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X vắng mặt nhưng theo các tài liệu lưu trong hồ sơ bà K, bà X trình bày:

Gia đình bà K có 79m² đất nguồn gốc do bà K mua của UBND xã C khoảng năm 1987 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà K. Thửa đất có 01 chiều (hướng tây nam) giáp với đất của Công ty lương thực (cũ) nay là Công

ty NV, năm 2000 bà K bà X xây 01 ngôi nhà 04 tầng, phía sau có một rãnh thoát nước rộng khoảng 03m chạy dài chung cho 06 gia đình trong đó có gia đình ông Cúc, sau đó đến đất của Công ty lương thực (cũ). Khi ông Cúc xây nhà đã làm hết cả rãnh thoát nước chung, các bà có sử dụng phần đất phía sau làm công trình phụ nhưng phần đất này do UBND xã C quản lý không phải đất của Công ty NV. Phần đất còn lại khoảng hơn 10m² bà X trồng rau là do mượn của Công ty lương thực (cũ), khi mượn đất hai bên chỉ thỏa thuận miệng không làm văn bản giấy tờ gì. Năm 2017 Công ty NV được Nhà nước giao đất khi giao đất các bà không được chứng kiến, tại biên bản giao đất UBND xã C khẳng định khu đất sử dụng ổn định không có tranh chấp gì là dựa trên ý kiến của Công ty NV. Khi xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất của Công ty NV, đào phần đất giáp tường từ nhà bà Nguyễn ông Trọng đến phần đất chuồng gà của ông Cúc có một rãnh thoát nước. Phần rãnh này là do các hộ tự xây từ nhiều năm nay không phải rãnh của Công ty NV xây, rãnh xây trên đất của UBND xã C quản lý không phải đất của Công ty NV.

Nay Công ty NV yêu cầu các bà phải trả lại 64,5m² đất lấn chiếm và tháo dỡ toàn bộ tài sản xây dựng trên đất trả lại mặt bằng cho Công ty các bà không đồng ý. Vì phần diện tích đất gia đình làm công trình phụ là làm trên rãnh thoát nước, đất này do UBND xã C quản lý không phải đất của Công ty NV. Bà K đồng ý trả lại phần đất mượn để trồng rau nhưng với điều kiện Công ty NV phải thanh toán tiền đồ đất và công sức cải tạo đất cho bà là 7.600.000đ. Tòa án đã giải thích, hướng dẫn bà K làm đơn yêu cầu phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu trên, nhưng bà K không làm mà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu O vắng mặt nhưng theo các tài liệu lưu trong hồ sơ bà O trình bày:

Gia đình bà có khoảng 100m² đất nguồn gốc là do bà mua của UBND xã C từ năm 1987, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà. Thửa đất có 01 chiều (hướng Tây nam) giáp với đất của Công ty lương thực (cũ), năm 1988 bà xây 01 ngôi nhà 02 tầng năm 2013 ông C xây nhà cùng dãy với gia đình bà. Phía đằng sau có một rãnh thoát nước và lối đi rộng 03m chung cho 06 gia đình trong đó có gia đình ông C sau đó đến đất của Công ty lương thực (cũ), khi làm nhà ông C đã làm hết cả rãnh thoát nước và lối đi chung. Năm 2017 Công ty NV được Nhà nước giao đất khi giao đất bà không được chứng kiến, tại biên bản giao đất UBND xã C khẳng định khu đất sử dụng ổn định không có tranh chấp gì là dựa trên ý kiến của Công ty NV. Bà có sử dụng phần đất phía sau làm bếp và chuồng gà là vì, giữa bà và vợ chồng ông C thỏa thuận đổi đất phía sau nhà (trên rãnh mương thoát nước) để vợ chồng ông C lấy đất làm lối cổng đi. Khi đổi hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không có văn bản giấy tờ gì. Khi đến xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất của Công ty NV, đào phần đất giáp tường từ nhà bà N ông T đến phần đất chuồng gà gia

đình ông C có một rãnh thoát nước. Rãnh thoát nước này do các gia đình tự xây trên đất của UBND xã quản lý không phải đất của Công ty NV xây.

Nay công ty NV yêu cầu bà tháo dỡ tài sản trả lại đất cho Công ty bà không đồng ý, vì bà sử dụng phần đất phía sau là rãnh thoát nước chung của các hộ không phải đất của Công ty NV. Bà yêu cầu ông Cúc phải trả lại cho bà phần diện tích đất phía sau để làm rãnh thoát nước theo hiện trạng đất cũ đã có từ trước.

Bị đơn ông Nguyễn Đức P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T vắng mặt nhưng theo các tài liệu lưu trong hồ sơ ông P, bà T trình bày:

Gia đình ông bà có khoảng 100m² đất nguồn gốc là do ông bà mua của UBND xã C từ năm 1987, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông P. Thửa đất có 01 chiều (hướng Tây nam) giáp với đất của Công ty NV, năm 1988 ông bà xây 01 ngôi nhà 02 tầng. Cuối năm 2013 ông C xây nhà cùng dãy với ông bà phía đằng sau có một rãnh thoát nước và lối đi rộng 03m chung cho 06 gia đình, trong đó có gia đình ông C khi làm nhà ông C đã làm hết rãnh thoát nước và lối đi chung. Năm 2017 Công ty NV được Nhà nước giao đất khi giao đất ông bà không được chứng kiến, tại biên bản giao đất UBND xã C khẳng định khu đất sử dụng ổn định không có tranh chấp gì là dựa trên ý kiến của Công ty NV. Ông bà có sử dụng phần đất phía đằng sau nhà để làm công trình phụ đó là đất thuộc rãnh thoát nước chung của các gia đình, đất này do UBND xã C quản lý không phải đất của Công ty NV, diện tích đất còn lại ông bà trồng cây cảnh là do mượn của Công ty lương thực (cũ). Khi đến xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất của Công ty NV, đào phần đất giáp tường từ nhà bà N ông T đến phần đất chuồng gà của ông C có một rãnh thoát nước. Rãnh này là do các gia đình tự xây không phải Công ty NV xây, các hộ xây trên đất của UBND xã C quản lý không phải đất của Công ty NV.

Nay Công ty NV yêu cầu ông bà tháo dỡ tài sản để trả lại đất ông bà không nhất trí, vì phần đất ông bà làm công trình phụ là rãnh thoát nước không phải đất của Công ty NV. Ông bà nhất trí trả lại phần đất trồng cây cảnh, không yêu cầu Công ty NV bồi thường tiền công đổ đất 8.000.000đ và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, Phó chủ tịch UBND xã C, huyện V vắng mặt nhưng theo biên bản ghi ý kiến của UBND ngày 07/01/2019, biên bản làm việc ngày 11/03/2019 ông T trình bày:

Theo sổ thổ cư xóm Xuôi mảnh 59-60-61 quyền 11, tại mảnh 59 tổng diện tích cả khu vực này (bao gồm kho lương thực cũ và đất thổ cư của các hộ) có diện tích là 9.262m², loại đất TC chủ sử dụng là C.H Lương thực (gồm cả đất của công ty và đất của các hộ dân). Theo bản đồ can vẽ ngày 17/11/1987 thửa đất số 28, tờ bản đồ số 18,

diện tích 9.262m² phần giáp ranh Công ty cổ phần lương thực và thương mại Vĩnh Phúc (Công ty lương thực) có thể hiện 01 đường mương. Theo bản đồ đo vẽ tháng 6/1996, tại tờ số 5a thửa 27, diện tích 6.680m² giữa ranh giới thửa đất này với các hộ có thể hiện một phần đất trống nhưng không ghi diện tích. Theo sổ mục kê đất lập theo bản đồ 1996, tại trang số 103, tờ bản đồ 5a, thửa số 27, diện tích 6.680m² chủ sử dụng là (kho lương thực) UBND phân loại đất ghi là đất công. Công ty lương thực đã được giao và sử dụng đất từ lâu, ngày 11/9/2017 Công ty NV mới nhận bàn giao mặt bằng. Giữa Công ty lương thực với các hộ dân từ trước đến nay xung quanh có tường xây bao loan, ngoài tường xây bao loan là có đất lưu không và mương tiêu thoát nước đã được hình thành từ lâu (phần đất này do UBND xã quản lý). Căn cứ vào hồ sơ quản lý tại UBND xã thì diện tích đất khoảng 81m² là đất công do UBND xã quản lý (đất mương đường cũ), phần đất này các hộ có làm công trình phụ lợp tôn UBND xã C đề nghị giữ nguyên hiện trạng khi nào UBND xã yêu cầu thì giải quyết sau. UBND xã C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập, do bận công việc nên ông Thắng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cùng chính quyền địa P đến gia đình bà O, ông P để lấy lời khai của ông Vũ Văn T (chồng bà O), anh Nguyễn Thái B, chị Trần Thị Trà M (con trai con dâu ông P), nhưng không lấy được lời khai của các đương sự vì không có mặt ở nhà.

Những người làm chứng:

Tại phiên tòa ông Trần Ngọc H vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 11/03/2019 ông H trình bày: Khoảng năm 2011 ông bán cho ông Trần Ngọc T (anh trai) khoảng 100m² đất trên đất có 01 ngôi nhà 04 tầng. Thửa đất trên có 01 chiều phía sau nhà giáp với kho lương thực (cũ), khi ông làm nhà thì phía sau có để lại một phần diện tích là đường đi (rãnh thoát nước của dãy), phần diện tích này do UBND xã C quản lý không phải đất giao cho kho lương thực. Hiện nay thửa đất ông bán cho ông T vẫn giữ nguyên hiện trạng không có thay đổi gì, đất của kho lương thực (cũ) ai quản lý ông không biết, ông chỉ biết phần đất ông sử dụng và sau này bán cho ông T có diện tích đất phía sau làm lối đi chung. Ông không làm nhà trên diện tích đất đó đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, do bận công việc nên ông H xin được vắng mặt.

Ông Vũ Văn A vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 11/03/2019 ông A trình bày: Khoảng năm 1988 ông mua 01 thửa đất thổ cư diện tích 128m² của UBND xã C (thôn X) trị giá khoảng 1.091.000đ, năm 1995 ông xây 01 ngôi nhà khi xây nhà thì phía sau có 01 đường rãnh thoát nước (đường đi khoảng 2m) đó là đất do UBND xã C quản lý. Phần đất này tiếp giáp với kho lương thực (cũ) ông không làm nhà lên lối đi đó mà để lại làm lối đi chung cho các hộ dân. Năm 2004 ông bán thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn K ở thôn Yên Lạc, xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc sau đó ông K lại bán cho ông V ở xã N, sau ông V lại bán diện tích đất trên cho gia đình

bà N. Bà N vẫn giữ nguyên hiện trạng không có thay đổi gì, đất của kho lương thực (cũ) ai quản lý ông không rõ, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật do bận công việc nên ông A xin được vắng mặt.

Bà Trần Thị D vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2019 bà D trình bày: Gia đình bà và gia đình ông C chỉ là người hàng xóm hai bên không có mâu thuẫn gì. Khi chồng bà Nguyễn Văn T còn sống (ngày 01/5/2011) có bán cho vợ chồng ông C 50 phân đất thổ cư và đất nông nghiệp trị giá 5.000.000đ, ngày 09/5/2011 bán cho ông C 80 phân đất trị giá 25.000.000đ. Ông C mua đất của gia đình bà để cho ruộng đất của gia đình ông, diện tích đất này không liên quan gì đến đất của Công ty NV, khi bán hai bên có giấy viết biên nhận không có xác nhận của địa P ông C đã trả đủ tiền cho gia đình bà. Diện tích đất của Công ty lương thực (cũ) có tường ngăn cách và có 01 con mương, khi các hộ xây nhà không có đường thoát nước nên phải tự xây rãnh thoát nước ở phía sau giáp với đất của Công ty lương thực (cũ). Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, do bận công việc nên bà D xin được vắng mặt.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DSST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Áp dụng các Điều 166, 175, 176 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ việc giải quyết tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV và các bị đơn là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, ông Đàm Xuân L.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV đối với bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Đức P, ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị Thu O.

Buộc ông Vũ Văn M phải tháo dỡ 01 gian bếp lợp tôn để trả lại 16,8m² đất cho Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV (có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Nguyễn Thị K phải tháo dỡ phần tôn bán mái cùng toàn bộ cây cối trên đất để trả lại 64,5m đất cho Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Đức P phải tháo dỡ 01 gian bếp lợp tôn cùng toàn bộ cây cối trên đất để trả lại 35,7m đất cho Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV (có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Nguyễn Thị Thu O phải tháo dỡ 01 gian bếp lợp tôn, 01 gian chuồng gà cùng toàn bộ cây cối trên đất để trả lại 37,5m đất cho Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chấp hành bản án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 Ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thu O, ông Nguyễn Đức P có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo giống như nội dung đã trình bày tại tòa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không xuất trình chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự như đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DSST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thu O, ông Nguyễn Đức P làm trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về việc xét xử vắng mặt một số đương sự: Một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt những người này theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của Ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thu O, ông Nguyễn Đức P, Hội đồng xét xử thấy:

Đây là vụ án “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất” giữa Công ty NV với bị đơn bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Đức P, ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị Thu O. Theo đó Công ty NV cho rằng 04 hộ dân nêu trên là các hộ giáp ranh với Công ty đã lấn chiếm đất của Công ty để xây công trình phụ, trồng rau và cây cảnh. Nay Công

ty yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Đức P, ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị Thu O phải trả cho Công ty tổng cộng là 154,5m² đất. Đồng bị đơn là bà K, ông P, ông M, bà O không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty và cho rằng các ông bà làm công trình phụ trên đất rãnh thoát nước chung do UBND xã C quản lý không làm trên đất của Công ty NV. Đối với phần đất bà T (vợ ông P) trồng cây cảnh thì bà T sẽ trả lại cho Công ty, phần đất bà X (em bà K) trồng rau sẽ trả lại cho Công ty. Bà K yêu cầu Công ty NV phải thanh toán tiền đồ đất và công sức cải tạo đất cho bà là 7.600.000đ. Bà O yêu cầu ông C phải trả cho bà phần diện tích đất phía sau để làm rãnh thoát nước theo hiện trạng đất cũ đã có từ trước.

Theo lời khai của nguyên đơn và kết quả xác M, thu thập chứng cứ của Tòa án thì nguồn gốc đất của Công ty NV có nguồn gốc là của Công ty cổ phần lương thực và thương mại Vĩnh Phúc (Công ty lương thực cũ). Ngày 1/9/2016 Công ty NV và Công ty lương thực cũ đã ký hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê. Trên cơ sở đó UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 quyết định thu hồi diện tích đất đã giao cho Công ty lương thực để giao đất cho Công ty NV. Diện tích đất Công ty NV được giao là 6.706,3m².

Về nguồn gốc đất của các hộ dân:

- Theo bản đồ năm 1987 lưu tại UBND xã C thì bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Thu O, ông Vũ Văn M, ông Nguyễn Văn Đ (bán đất cho ông C) đều cùng trong thửa đất số 28, tờ bản đồ số 18, diện tích 9262m² (đất Cửa hàng lương thực).

- Theo bản đồ đo vẽ năm 1996, sổ mục kê lưu tại UBND xã C, tờ bản đồ số 5A thì bà Nguyễn Thị K có thửa đất số 11 diện tích 79m². Ông Nguyễn Đức P có thửa đất số 09 diện tích 79m²; bà Nguyễn Thị Thu O có thửa đất số 08 diện tích 77m²; ông Vũ Văn M có thửa đất số 12 diện tích 123m².

- Theo sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị K có 79m² đất giấy chứng nhận số I052992; ông Nguyễn Đức P có 79m² đất giấy chứng nhận số I052994; bà Nguyễn Thị Thu O có 77m² đất giấy chứng nhận số I052995; ông Vũ Văn M có 123m² đất giấy chứng nhận số I052991, các hộ trên đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 02/12/1997.

- Theo bản đồ VN 2000 tờ bản đồ số 31 thì bà Nguyễn Thị K có thửa đất số 151 diện tích 88,8m², ông Nguyễn Đức P có thửa đất số 125 diện tích 96,6m². Bà Nguyễn Thị Thu O có thửa đất số 126 diện tích 93,8m², ông Vũ Văn M có thửa đất số 150 diện tích 129,2m².

Khi bàn giao đất giữa Công ty Lương thực với Công ty NV, Công ty Lương thực đã khẳng định:

“Ngày 12/6/2016 trên diện tích 6.700m², khi bàn giao diện tích 4 xung quanh có tường bao loan.

Ranh giới đất giữa Công ty CP lương thực và thương mại Vĩnh Phúc với các hộ gia đình bà Nguyễn Thị X, ông Vũ Văn M, bà Nghiêm Thị Huệ T, bà Nguyễn Thị Thu O, và nhiều hộ khác xung quanh đất của Công ty CP lương thực và thương mại Vĩnh Phúc đều có hàng rào bao quanh.

Trong thời gian Công ty CP lương thực và thương mại Vĩnh Phúc đang sử dụng đất chưa bàn giao cho Công ty CPTM xuất nhập khẩu tổng hợp NV thì công ty không cho bất cứ 1 hộ dân nào mượn đất để trồng rau hay trồng cây cảnh, tại thời điểm Công ty CP lương thực và thương mại Vĩnh Phúc quản lý các hộ ông M, bà X, bà T, bà O chưa xây dựng công trình phụ vào đất của công ty vì công ty đã có hàng rào chắn 4 xung quanh...”

Tuy nhiên, sau một thời gian được bàn giao đất, Công ty NV phát hiện tại hướng tây tiếp giáp với các hộ dân ở thôn N xã C lấn chiếm đất của Công ty 154,5m². Ranh giới đất ngày xưa giữa Công ty lương thực với các hộ có hàng rào và mương thoát nước, nhưng các hộ đã phá bỏ hàng rào để lấn chiếm đất của công ty. Mốc giới đất giữa Công ty NV và các ông bà trên hiện nay vẫn còn 01 trụ cổng của Công ty lương thực (cũ), trụ cổng này giáp với đất của ông T bà N, khi làm nhà các hộ đã xây theo trụ cổng của Công ty Lương thực (cũ).

Ngày 18/10/2018 Tòa án cùng chính quyền địa P và Công ty Cổ phần đo đạc và đầu tư Tam Dương đã tiến hành đo đạc phần diện tích đang tranh chấp, diện tích đo đạc thực tế của Công ty NV là 6.706m², còn gia đình M, bà K (X), bà O, bà T không cho đo, nhưng trên thực tế thì ông M có làm 01 gian bếp lợp tôn trên diện tích 16,8m²; bà X lợp tôn bán mái và trồng rau, 01 cây sung, 01 khóm chuối trên diện tích đất 64,5m²; bà T làm 01 gian bếp lợp tôn, 01 cây lộc vừng, 01 cây khế trên diện tích 35,7m²; bà O làm 01 gian bếp lợp tôn, 01 gian chuồng gà, 01 cây ổi trên diện tích 37,5m².

Khi xem xét thẩm định tại chỗ đào phần đất giáp lối cổng đi của Công ty thì có 01 rãnh thoát nước sâu 55cm rộng 25cm tính từ mép tường nhà ông T bà N đến đất của Công ty. Đào phần đất giáp tường hậu nhà ông Tha có 01 rãnh thoát nước sâu 45cm rộng 50cm tính từ mép tường nhà ông Tha đến đất của Công ty. Đào phần đất giáp chuồng gà của ông C có 01 rãnh thoát nước sâu 45cm rộng 50cm tính từ mép chuồng gà nhà ông C đến đất của Công ty NV. Diện tích rãnh thoát nước trên rãnh thoát nước này lại nằm trên đất của Công ty.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho Công ty NV, sau khi đo đạc diện tích 6.706m² đất Công ty NV được cấp thì phần bếp lợp mái tôn, cây trồng...của các hộ gia đình bà K, ông P (T), ông M, bà O nằm trong diện tích 6.706m² của Công ty NV. Các hộ gia đình bà K, ông P (T), ông M, bà O không cho đo nhưng căn cứ vào diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các ông bà trên. Còn diện tích

đất theo bản đồ VN 2000 thì đất của bà X (Khoéo) tăng 9,8m². Diện tích đất của bà O tăng 16,8m². Diện tích đất của hộ ông M tăng 6,2m². Diện tích đất của hộ ông C tăng 36,8m².

Bà X, bà O, bà T, ông M cho rằng các ông bà làm bếp, công trình phụ trên phần đất rãnh thoát nước và phần đất này do UBND xã C quản lý là không chấp nhận được. Bởi lẽ ranh giới đất giữa Công ty NV và các ông bà trên hiện nay vẫn còn 01 trụ cổng của Công ty lương thực (cũ), trụ cổng này giáp với đất của ông T và N, khi làm nhà các hộ đã xây theo trụ cổng của Công ty Lương thực (cũ). Mặt khác căn cứ vào diện tích đất có trong giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình ông M, bà K, ông P, bà O so với diện tích đất của các ông bà theo bản đồ VN 2000 thì đất của các ông bà trên đều tăng, còn đất của Công ty thì đủ diện tích như trong giấy chứng nhận QSDĐ là 6706,3m².

Tại Công văn số 1430/STNMT-CCQLĐ ngày 11/6/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã có quan điểm: *“Việc giao đất, cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ cho Công ty NV của Sở TNMT là đúng pháp luật. Hồ sơ sử dụng đất thuê với Nhà nước của Công ty NV là hợp pháp. Việc Công ty NV khởi kiện một số hộ dân giáp ranh với Công ty trong quá trình sử dụng đất có biểu hiện lấn chiếm vào phần đất Nhà nước đã giao cho Công ty thuê là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tế”*

Việc UBND xã C cho rằng 81m² là thuộc quyền quản lý của UBND xã C, bởi lẽ vào khoản 2016 ông Nguyễn Văn Cừ (Giám đốc công ty lương thực) đề nghị UBND xã chỉ đạo cán bộ chuyên M xuống thực địa xác định mốc giới giữa phần đất của công ty và các hộ liền kề làm cơ sở cho việc quản lý đất của công ty theo quy định. Sau đó các hộ dân gồm ông M, bà O xuống trực tiếp thực địa để thống nhất mốc giới giữa các hộ đang sử dụng, sau đó các bên thống nhất ranh giới tính từ mép mái tôn nhà ông M trở vào nhà ông M thuộc đất của các hộ sử dụng. Phần đất các hộ đang sử dụng thuộc quản lý của UBND xã C.

Tuy nhiên khi bàn giao đất Công ty Lương thực và Công ty NV thì ý kiến của UBND xã C lại là: Khu đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì, đồng ý giao đất theo đúng chỉ giới được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất tại Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 và đến ngày 03/10/2017 Công ty NV được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác theo sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty thì ranh giới giữa Công ty và các hộ không có phần đất trống và đường mương.

Có thể thấy, việc các bên thỏa thuận không lập thành biên bản không được công nhận là hợp pháp trong khi việc giao đất cho Công ty NV các bên đều nhất trí. Vì vậy quyền sử dụng của Công ty NV với toàn bộ diện tích đất 6.706,3m² bao gồm cả diện tích các hộ bà K, ông P (T), ông M, bà O đang trồng cây, lán, bếp...là hợp pháp.

Hơn nữa theo bản đồ 1987 can vẽ 17/11/1987 lưu tại UBND xã C thì Cửa hàng lương thực có thửa đất số 28, tờ bản đồ số 18, diện tích 9.262m², trong bản đồ phân giáp ranh với đất Công ty lương thực thể hiện 01 đường mương. Theo sổ mục kê đất lập theo bản đồ đo vẽ năm 1996 (trang số 103), số thửa 27 (kho lương thực) UBND diện tích 6.680m² (đất công) lập theo bản đồ 5A thể hiện một phần đất trống nhưng không ghi diện tích, nguồn gốc đất là của Công ty cổ phần lương thực và thương mại Vĩnh Phúc (cũ) và theo bản đồ VN 2000 thể hiện tại tờ bản đồ số 31, số thửa 203, diện tích 6.698m² phía sau các hộ thể hiện một khoảng trống tính từ gia đình ông Phạm Văn T đến gia đình ông Dương Văn C.

Như vậy phần đất trống này không thể hiện rõ ràng phần đất trống thuộc quyền quản lý của ai. Nay khi đo đạc lại diện tích UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao cho Công ty NV thì diện tích được giao bao gồm cả diện tích 81 m² này là của Công ty NV.

Việc các hộ ông M, bà O, bà K, bà T đều cho rằng ngày xưa khi xây nhà ở phía trước không có lối thoát nước nên đã cùng nhau xây rãnh thoát nước và để một lối đi chung ở phía sau nhà để đảm bảo nước thải sinh hoạt được chảy đúng nơi quy định. Các hộ cũng thừa nhận việc xây dựng rãnh thoát nước này không nằm trên đất các hộ được giao, sau đó do phía trước đã có rãnh thoát nước nên các hộ tự xây công trình trên diện tích đất đó để phục vụ đời sống. Xét thấy việc các hộ sử dụng đất vượt quá nhưng ổn định, lâu dài có thể được công nhận, nhưng trước khi xảy ra tranh chấp với Công ty NV các hộ gia đình không xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tăng thêm nên không được công nhận. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty NV là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nhận xét trên đồng nghĩa với việc Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của đồng bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thu O, ông Nguyễn Đức P;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

Áp dụng các Điều 166, 175, 176 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ việc giải quyết tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV và các bị đơn là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, ông Đàm Xuân L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV đối với bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Đức P, ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị Thu O.

Buộc ông Vũ Văn M phải tháo dỡ 01 gian bếp lợp tôn để trả lại 16,8m² đất cho Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV (sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Nguyễn Thị K phải tháo dỡ phần tôn bán mái cùng toàn bộ cây cối trên đất để trả lại 64,5m đất cho Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Đức P phải tháo dỡ 01 gian bếp lợp tôn cùng toàn bộ cây cối trên đất để trả lại 35,7m đất cho Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV (có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Nguyễn Thị Thu O phải tháo dỡ 01 gian bếp lợp tôn, 01 gian chuồng gà cùng toàn bộ cây cối trên đất để trả lại 37,5m đất cho Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV (có sơ đồ kèm theo).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2016/0004093 ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Đức P, ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị Thu O mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp NV tự nguyện chịu 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ và tiền chi phí đo đạc (đã nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Đức P, ông Vũ Văn M, bà Nguyễn Thị Thu O mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số AA/2017/0005323; AA/2017/0005324; AA/2017/0005325; AA/2017/0005326 ngày 14/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Xác nhận bà K, ông P, ông M, bà O đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- Các đương sự kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Hoàng Thanh